TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ **THÀNH PHỐ THÀNH PHỐ N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2023**/HS-ST
Ngày: 16/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ, THÀNH PHỐ THÀNH PHỐ N

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Quản Văn Tiến.**
Các Hội thẩm nhân dân: **- Bà Trần Thị Thanh Vân;**
- Ông Nguyễn Văn Thư- Nguyên giảng viên trường Đại học Thành phố N.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2023/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXX-HS ngày 17/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐHPT-HS ngày 01/3/2023,đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Cao K, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2004 (**Khi phạm tội: 17 tuổi 8 tháng 23 ngày)**; Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã H, huyện H1, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Con ông Nguyễn Cao K1 và bà Trần Thị D; Tiền án: Ngày 17/6/2021, Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh B xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng về tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự (Phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi); Danh bản, chỉ bản số: 349 ngày 14/6/2022 do Công an quận Đ lập; Tạm giữ, tạm giam: Tạm giữ khi ra đầu thú từ ngày 05/6/2022 đến ngày 03/8/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giam; Bắt lại theo lệnh truy nã và tạm giữ khi ra đầu thú từ ngày: 18/12/2022. Hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện của bị cáo Nguyễn Cao K: Ông Nguyễn Cao K1 (tức Nguyễn Cao H), sinh năm 1972 (là bố đẻ của K); Trú tại: Thôn D, xã H, huyện H1, tỉnh B. Có mặt.

Người bào chữa cho Nguyễn Cao K: Bà Nguyễn Thị TS- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố Thành phố N. Có mặt.

2. **Phạm Hoài N**, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005 **(Khi phạm tội: 16 tuổi 11 tháng 19 ngày);** Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã P, huyện Â, tỉnh Y; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Hoàng Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Danh bản, chỉ bản số: 350 ngày 14/6/2022 do Công an

quận Đ lập; Tạm giữ, tạm giam: Bị tạm giữ khi ra đầu thú ngày 05/6/2022; Hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 14/6/2022. Hiện đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện của bị cáo Phạm Hoài N: Bà Phạm Thị T (mẹ đẻ của N), sinh năm 1980; Trú tại: Thôn T, xã P, huyện Â, tỉnh Y. Có mặt.

Người bào chữa cho Phạm Hoài N: Bà Đinh Thị TH- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố Thành phố N. Có mặt.

3. **Trần Đức T**, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2005 (**Khi Phạm tội: 17 tuổi 3 tháng 10 ngày**), Nơi ĐKHKTT: Thị trấn L, huyện L, tỉnh S; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: lớp 8/12; Dân tộc: Tày; Con ông Nông Xuân H (theo số định danh cá nhân) và bà Trần Thị T1; Tiền án tiền sự: Không; Danh bản, chỉ bản số: 348 ngày 14/6/2022 do Công an quận Đ lập; Tạm giữ, tạm giam: Bị tạm giữ khi ra đầu thú ngày 05/6/2022; Hủy bỏ tạm giữ ngày 14/6/2022. Hiện đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt có lý do.

Người đại diện của bị cáo Trần Đức T: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1979; Trú tại: Thị trấn L, huyện L, tỉnh S. Vắng mặt có lý do.

Người bào chữa cho Trần Đức T: Bà Đinh Thị TH- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố Thành phố N. Có mặt.

4. **Lê Thị H, s**inh ngày 10 tháng 6 năm 2002; Nơi ĐKHKTT: Xã C, huyện Q, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D; Tiền án tiền sự: Không; Danh bản, chỉ bản số: 448 ngày 23/8/2022/2022 do Công an quận Đ lập; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1- Chị Trần Thị BL, sinh năm: 1970; Trú tại: Phường M, quận Đ, Thành phố N; Vắng mặt.

2- Anh Nguyễn Giang N, sinh năm: 2002; Nơi thường trú: Thôn X, xã K, huyện H1, tỉnh B. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Trần Thanh M, sinh năm 1977; trú tại: Phường Đ, quận B, Thành phố N; Địa chỉ cửa hàng: Quận C, Thành phố N; Vắng mặt.

2- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1977; Trú tại: Xã XH, huyện X, tỉnh Đ); Địa chỉ cửa hàng: Phường H, quận C, Thành phố N; Vắng mặt.

3- Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1995; Trú tại: Phường H, quận C, Thành phố N; Vắng mặt.

4- Chị Lê Thị T, sinh ngày: 20/7/2007; Trú tại: Xã Â, huyện P, tỉnh B**;** Có mặt.

Người đại diện của chị Lê Thị T: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: Xã Â, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo **Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T và Lê Thị H** bị Viện kiểm sát nhân dân quận Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04/6/2022, tổ công tác Công an phường L tiến hành kiểm tra hành chính PX nhà nghỉ TM, phường L, Đ, thành phố N. Quá trình kiểm tra trong phòng có Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T, Lê Thị H và Lê Thị T đều không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên tổ công tác đã đưa về Công an phường L làm việc. Tại trụ sở Công an phường L, K, N, T, H và TU đã xin đầu thú về hành vi Trộm cắp tài sản và khai: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/6/2022, Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T, Lê Thị H và Lê Thị T lang thang trong khu vực phường L, quận Đ, Thành phố N thì phát hiện ngoài khu vực cổng Chùa L1 có 01 quán nước quây tôn của chị Trần Thị BL không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong lán tôn. Sau đó, K, T dùng tay kéo cậy cửa lán tôn tạo lỗ hổng cho N chui vào bên trong lán tôn tìm kiếm tài sản trộm cắp. Do trong lán tôn không có điện sáng nên K bảo T ra lấy điện thoại của TU để làm đèn pin soi. T đã đi ra chỗ ghế đá nơi H, TU đang ngồi cách đó khoảng 10 – 15m và nói TU đưa điện thoại để làm đèn pin soi tìm kiếm tài sản trộm cắp. Sau khi lấy được điện thoại của TU, T đưa cho N bật đèn soi để tìm kiếm đồ trộm cắp. Cùng lúc đó, K đi ra vị trí H và TU ngồi chờ nói "Trong lán có nhiều đồ lắm" thì H nói "nếu đồ của chùa thì đừng lấy" nhưng K nói "không phải" rồi quay lại lán tôn. Lúc này, H và TU hiểu K, T, N đang trộm cắp tài sản trong lán tôn nên đã ngồi quan sát cảnh giới. Sau khi vào trong lán tôn, N phát hiện và lấy được 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu trắng đang để trên nóc tủ lạnh và 01 chiếc điện thoại Iphone 4 màu đen đang để trong hộp bánh bằng sắt bên trên nóc tủ lạnh rồi cất giấu vào túi quần. Lúc này, K cũng chui vào bên trong lán thì được N nói đã lấy được 02 chiếc điện thoại. Sau đó, N thấy 01 con lợn tiết kiệm bằng sứ đang để trên giá để đồ trong lán nên đưa cho K thì K cầm con lợn đập xuống đất rồi lấy toàn bộ số tiền trong con lợn cất giấu vào túi quần rồi chui ra ngoài. Sau đó, K bảo N lấy 01 chiếc quạt điện để bàn màu xanh, 01 chiếc quạt điện cây màu đen, cánh màu vàng trong lán mang ra ngoài. Sau khi trộm cắp được tài sản thì K, T, N đi đến khu vực ghế đá TU và H đang ngồi cảnh giới, K đã đưa toàn bộ số tiền lấy được trong con lợn tiết kiệm cho H và TU kiểm đếm thì được số tiền 600.000 đồng gồm các tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 2.000 đồng; 10.000 đồng và 20.000 đồng. Trước khi trộm tài sản H và TU không được K, N, T rủ rê bàn bạc gì, nhưng H và TU thấy K, N, T đi quanh khu vực lán tôn; mượn điện thoại của TU để soi đèn và K nói việc trong lán có nhiều tài sản nên H và TU nhận thức được K, N, T trộm cắp tài sản trong lán tôn và đứng quan sát cảnh giới nếu có người sẽ báo cho K, N, T biết để chạy thoát. Toàn bộ số tiền trộm cắp được và tiền bán tài sản trộm cắp, H đã giữ và chi tiêu chung hết cho cả nhóm.

Đến chiều ngày 01/6/2022, N và K mang chiếc điện thoại Iphone 6 Plus bán cho anh Trần Thanh M tại cửa hàng điện thoại: Phường H, quận C, Thành phố N được số tiền 100.000 đồng. Đến chiều ngày 03/6/2022, T và K mang 02 chiếc quạt trộm cắp được bán cho chị Phạm Thị T tại cửa hàng thu mua phế liệu: Phường H, Quận C, Thành phố N được số tiền 50.000 đồng. Còn chiếc điện thoại Iphone 4 N giữ để sử dụng. Toàn bộ số tiền bán tài sản và trộm cắp được trong con lợn tiết kiệm, K đều đưa cho H giữ để chi tiêu ăn, ở cho mọi người và đã chi tiêu hết số tiền trên.

Ngoài ra, Nguyễn Cao K còn khai nhận: Do anh Nguyễn Giang N nợ Nguyễn Cao K số tiền 1.200.000 đồng nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh N. Khoảng 05 giờ ngày 30/5/2022, tại phường L, Đ, Thành phố N, K đã nói anh N cho K mượn chiếc điện thoại ViVo Y15A của anh N để gọi điện. Do tin tưởng K nên anh N đã đưa chiếc điện thoại Vivo Y15A cho K mượn. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, K đã mang chiếc điện thoại đi bán cho anh Phạm Văn H tại cửa hàng điện thoại số 118 Nguyễn Khang, Quận C, Thành phố N được số tiền 1.750.000 đồng. Số tiền này K đã chi tiêu hết.

Vật chứng của vụ án:

- Thu giữ của Phạm Hoài N 01 điện thoại Iphone 4 màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản – UBND quận Đ kết luận:

- 01 điện thoại Iphone 4 màu đen, đã qua sử dụng, đã thu hồi định giá: 400.000 đồng;

- 01 điện thoại Iphone 6 plus màu trắng, đã qua sử dụng, chưa thu hồi, định giá: 3.490.000 đồng;

- 01 chiếc quạt cây màu đen không rõ hãng sản xuất, đã qua sử dụng, chưa thu hồi, chưa đủ cơ sở xác định giá trị.

- 01 chiếc quạt cây màu xanh không rõ hãng sản xuất, đã qua sử dụng, chưa thu hồi, chưa đủ cơ sở xác định giá trị.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 150/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản – UBND quận Đ kết luận:

- Chiếc điện thoại Vivo Y15A dung lượng 64Gb màu xanh đen đã qua sử dụng, chưa thu hồi định giá: 3.830.400 đồng.

Đối với anh Trần Thanh M, tại cơ quan điều tra, anh Mỹ khai không biết nguồn gốc chiếc điện thoại Iphone 6 Plus mua của K và N là tài sản phạm tội mà có. Sau khi mua chiếc điện thoại, anh Mỹ đã bán chiếc điện thoại cho một khách vãng lai được 150.000 đồng. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với chị Phan Thị T, tại cơ quan điều tra, chị T khai không biết nguồn gốc của 02 chiếc quạt điện đã mua của K và T là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi mua được 02 chiếc quạt điện, chị T đã tháo ra bán sắt vụn. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với anh Phạm Văn H, tại cơ quan điều tra anh H khai khi mua chiếc điện thoại Vivo Y15A của K thì K nói là điện thoại của K, do K cung cấp được mật khẩu mở điện thoại nên anh H tin tưởng và không biết chiếc điện thoại là do K phạm tội mà có. Sau đó, anh H đã bán chiếc điện thoại trên cho một khách vãng lai được số tiền 2.200.000 đồng. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với Lê Thị T, quá trình điều tra xác định TU đồng phạm với Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T và Lê Thị H về hành vi Trộm cắp tài sản của chị Trần Thị BL tại quán nước khu vực phường L, Đ, Thành phố N vào này 01/6/2022. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, TU chưa đủ 16 tuổi – chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự. Do vậy, ngày 12/10/2022, Công an quận Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo đối với Lê Thị T về hành vi Trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Trần Thị BL đã được các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng và nhận lại 01 điện thoại Iphone 4 màu đen.

Anh Nguyễn Giang N đã được K bồi thường số tiền 3.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSĐĐ ngày 11/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân quân Đ đã truy tố:

- **Nguyễn Cao K** về tội *Trộm cắp tài sản* và *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- **Phạm Hoài N, Trần Đức T** và **Lê Thị H** về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố **Nguyễn Cao K** về tội *Trộm cắp tài sản* và *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;* **Phạm Hoài N, Trần Đức T** và **Lê Thị H** về tội *Trộm cắp tài sản* . Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo đã đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Khoản 5 Điều 65; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Cao K** từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; xử phạt từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù và Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số

60/2021/HS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh B buộc K chấp hành hình phạt chung là từ 24 tháng tù đến 28 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạm Hoài N từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng;

- Trần Đức T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Lê Thị H** từ 08 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 24 tháng;

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo;

Phần tranh luận: Các bị cáo, người đại diện cho các bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa tranh luận:

- Bà TS: Đồng ý về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố K;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức Kiểm sát viên đề nghị.

- Bà H: Đồng ý về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố N và T;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với N và T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự và không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định khởi tố, truy tố của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được coi là hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, với lời khai bị hại, vật chứng vụ án, kết luận định giá tài sản, phù hợp về thời gian, địa điểm, diễn biến của vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/6/2022, tại quán nước quây tôn của chị Trần Thị BL- khu vực phường L, Đ, Thành phố N, Nguyễn

Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T, Lê Thị H và Lê Thị T lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Lộc gồm: 01 điện thoại Iphone 4 trị giá: 400.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6 plus trị giá: 3.490.000 đồng; 01 con lợn tiết kiệm bằng sứ bên trong có 600.000 đồng; 01 chiếc quạt điện để bàn màu xanh; 01 chiếc quạt điện cây màu đen. Toàn bộ số tiền trộm cắp được và tiền bán tài sản trộm cắp, H đã giữ và chi tiêu chung cho cả nhóm.

Ngoài ra, do anh Nguyễn Giang N nợ Nguyễn Cao K số tiền 1.200.000 đồng nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh N. Khoảng 05 giờ ngày 30/5/2022, tại phường L, Đ, Thành phố N, Nguyễn Cao K có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Nguyễn Giang N nên đã mượn anh N chiếc điện thoại ViVo Y15A trị giá 3.800.000 đồng rồi bán cho anh Phạm Văn H tại cửa hàng điện thoại số 118 Nguyễn Khang, Quận C, Thành phố N được số tiền 1.750.000 đồng.

Vì vậy, Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T, Lê Thị H đã phạm tội Trộm cắp tài sản; Nguyễn Cao K phạm thêm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T, Lê Thị H theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố thêm Nguyễn Cao K theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Riêng Lê Thị T đồng phạm với các bị cáo trên trộm cắp tài sản, song khi thực hiện hành vi trộm cắp TU chưa đủ 16 tuổi nên Cơ qua điều tra không khởi tố, Viện kiểm sát không truy tố và TU cũng đã bị xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự, trị an địa phương. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với mức độ gây nguy hại cho xã hội mà từng bị cáo gây ra; Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bột phát, không có sự bàn bạc thống nhất về hành động. Tuy nhiên, Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo thấy: Nguyễn Cao K là đối tượng có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa tuy không thuộc trường hợp tái phạm theo Điều 107 Bộ luật hình sự, nhưng cũng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và tổng hợp hình phạt buộc K chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội theo Điều 55 Bộ luật hình sự; Ngoài ra K còn phạm tội trong thời gian thử thách của án treo nên cần buộc K chấp hành hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án số 60/2021/HS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh B theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc K chấp hành hình phạt chung theo quy đinh tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Song xét thấy K khi phạm tội chưa thành niên, có thái độ khai báo thành khẩn, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, đầu thú và được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần giảm một phần hình phạt đối với cả hai tội cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự.

Đối với Phạm Hoài N, Trần Đức T thực hiện hành vi rất tích cực và là những đối tượng trực tiếp trộm cắp tài sản cùng K nên cũng cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên N và T khi phạm tội chưa thành niên, tích cực khắc phục hậu quả, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T, đầu thú, được người bị hại xin cho các bị cáo, T còn là người dân tộc thiểu số, sống ở nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên cần cho các bị cáo N và T hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Thị H có vai trò giúp sức, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm T, tích cực khắc phục hậu quả, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đầu thú và được bị hại xin cho bị cáo nên cần cho bị cáo H hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các bị cáo Phạm Hoài N, Trần Đức T và Lê Thị H không có tình tiết tăng nặng; Đều có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có thể cho các bị cáo N, T, H hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị BL và anh Nguyễn Giang N đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại. Nay không ai có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện và người bào chữa có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố:

Bị cáo **Nguyễn Cao K, Phạm Hoài N, Trần Đức T và Lê Thị H** phạm tội **"*Trộm cắp tài sản*"**;

Bị cáo **Nguyễn Cao K** phạm thêm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

- ***Căn cứ***: khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; Điểm b khoản 1 Điều 107; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 55; Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Cao K** 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc K chấp hành hình phạt là 12 tháng tù và tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 60/2021/HS-ST ngày 17/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh B buộc Nguyễn Cao K chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2022 (được trừ thời gian tạm giữ từ 05/6/2022 đến ngày 03/8/2022).

- ***Căn cứ***: Khoản 1 Điều 173; Điểm điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

+ Bị cáo **Phạm Hoài N 06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tình từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Hoài N cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Â, tỉnh Y quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ **Trần Đức T 06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tình từ ngày tuyên án..

Giao bị cáo Trần Đức T cho Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện L, tỉnh S quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lê Thị H 08 (tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tình từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Â, huyện P, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ: Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về án phí, lệ phí Tòa án).

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện và người bào chữa cho người chưa thành niên có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện cho người chưa thành niên vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Thành phố N;
- VKSND quận Đ;
- Công an quận Đ;
- Chi cục THA quận Đ;
- Bị cáo; Bị hại;Người có QLNVLQ; Người đại diện và người bào chữa cho người chưa thành niên;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quản Văn Tiến